

Bản án số: 178/2019/HS-PT
Ngày: 24-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khắc Thịnh
Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương
Ông Nguyễn Văn Vững

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Tràng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 3, 17 tháng 5 và ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 01/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Hà Văn T và các đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo Hà Văn T, Nguyễn Ngọc L, Trương Quan T1, Lê Minh N và Võ Thái H đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2018/HS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Hà Văn T (L)**, sinh năm: 19XX, tại: Đ. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khóm X, phường A, thị xã H, tỉnh Đ; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: XX/12; Cha: Hà Văn M, sinh năm 19XX; Mẹ: Nguyễn Thị K, sinh năm 19XX; Vợ: Thái Thị V, sinh năm 19XX; Có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ ngày 11/3/2018; Tạm giam ngày 14/3/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp;

2. **Nguyễn Ngọc L (B)**, sinh năm: 19XX, tại: Đ. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: ấp XX, xã A, huyện T, tỉnh Đ; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: XX/12; Cha: Nguyễn Văn T, sinh năm 19XX (chết); Mẹ: Nguyễn Thị H (chết); Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ ngày 10/3/2018; Tạm giam ngày 13/3/2018; Hiện bị cáo đang bị tạm giam Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp;

3. Trương Quan T1, sinh năm: 19XX, tại: Đ. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: ấp A, xã A, thị xã H, tỉnh Đ; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: XX/12; Cha: Trần Văn B, sinh năm 19XX; Mẹ: Trương Thị H2, sinh năm 19XX; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ ngày 17/3/2018; Tạm giam ngày 20/3/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp;

4. Lê Minh N (N), sinh năm: 19XX, tại: Đ. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khóm S, phường A, thị xã H, tỉnh Đ. Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: XX/12; Cha: Lê Thanh V1, sinh năm 19XX; Mẹ: Nguyễn Thị Thu L1, sinh năm 19XX; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bỏ trốn bị truy nã ngày 24/5/2018, đến ngày 31/7/2018 bị cáo ra đầu thú; Tạm giữ ngày 31/7/2018; Tạm giam ngày 03/8/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp;

5. Võ Thái H (S), sinh năm: 19XX, tại: Đ. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Đ. Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: XX/12; Cha: Võ Văn H3, sinh năm 19XX (chết); Mẹ: Lê Thị S, sinh năm 19XX; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bỏ trốn bị truy nã ngày 24/5/2018, đến ngày 01/8/2018 bị cáo ra đầu thú; Tạm giữ ngày 01/8/2018; Tạm giam ngày 04/8/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp;

(Các bị cáo kháng cáo đều có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn T và bị cáo Nguyễn Ngọc L theo yêu cầu là Luật sư Ngô Trọng Hoàng - Công ty luật TNHH Luật Hoàng và cộng sự, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh N theo yêu cầu là Luật sư Nguyễn Thanh Bền - Văn phòng luật sư Vạn Lý, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Huỳnh Văn C, Nguyễn Minh N1, Trần Chí K, Nguyễn Duy T2, Lê Tấn T3 không kháng cáo. Những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Người bị hại:

1. Nguyễn Thanh S1, sinh năm: 19XX (có mặt);

Nơi cư trú: Khóm X, phường XX, thành phố C, tỉnh Đ.

2. Phạm Hoàng B1, sinh năm: 19XX (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đ.

3. Công an tỉnh Đ;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phú C; Chức vụ: Phó

Trưởng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đ (có mặt).

Địa chỉ: Số XXX, đường Lê Đại H, phường M, thành phố C, tỉnh Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đoàn Văn M1, sinh năm: 19XX (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

2. Lê Bình Y, sinh năm: 19XX (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp X, xã A, thị xã H, tỉnh Đ.

3. Thái Thị V, sinh năm: 19XX (có mặt);

Nơi cư trú: Khóm X, phường A, thị xã H, tỉnh Đ.

4. Trần Văn B2, sinh năm: 19XX (có mặt);

5. Nguyễn Thị X, sinh năm: 19XX (có mặt);

Cùng cư trú: xã A, thị xã H, tỉnh Đ.

6. Trần Văn V2, sinh năm: 19XX (có mặt);

Nơi cư trú: Khóm X, phường XX, thành phố C, tỉnh Đ.

7. Nguyễn Tuấn A, sinh năm: 19XX (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đ.

8. Nguyễn Thị Thu L1, sinh năm: 19XX (có mặt);

9. Nguyễn Thị Ngọc T4, sinh năm: 2XXX (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: phường A, thị xã H, tỉnh Đ.

10. Nguyễn Thanh S, sinh năm: 19XX (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đ.

Người làm chứng:

1. Huỳnh Văn C (L), sinh năm: 19XX; Nơi cư trú: Ấp B, xã B, thị xã H, tỉnh Đ (Hiện đang chấp hành án tại trại giam Cao Lãnh) (có mặt);

2. Nguyễn Minh N1 (T), sinh năm: 19XX; Nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Đ (Hiện đang chấp hành án tại trại giam Cao Lãnh) (có mặt);

3. Trần Chí K, sinh năm: 19XX; Nơi cư trú: Số XXX, Quốc lộ 30, tổ X, khóm X, phường XX, thành phố C, tỉnh Đ. Hiện đang chấp hành án tại trại giam Cao Lãnh) (có mặt);

4. Nguyễn Duy T2 (H), sinh năm: 19XX; Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đ. Hiện đang chấp hành án tại trại giam Cao Lãnh) (có mặt);

5. Lê Tấn T3 (C), sinh năm: 19XX; Nơi cư trú: ấp A, xã A, thị xã H, tỉnh Đ. Hiện đang chấp hành án tại trại giam Cao Lãnh) (có mặt);

6. Trần Kim T5 (T), sinh năm: 19XX; Nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đ (có mặt);

7. Nguyễn Tấn T6, sinh năm: 19XX; Nơi cư trú: Khóm M, phường X, thành phố C, tỉnh Đ (có mặt).

8. Nguyễn Quang T7, sinh năm: 19XX (vắng mặt);

9. Phạm Ngọc T8, sinh năm: 19XX (vắng mặt);

10. Nguyễn Văn C1, sinh năm: 19XX (vắng mặt);

11. Huỳnh Ngọc Thoại H, sinh năm: 19XX (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: xã A, huyện T, tỉnh Đ.

12. Lư Thị Q, sinh năm: 19XX (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

13. Võ Văn T9, sinh năm: 19XX (vắng mặt);
14. Phạm Cao C2, sinh năm: 19XX (vắng mặt);
15. Nguyễn Hữu Đ (C), sinh năm: 19XX (có mặt);
16. Nguyễn Trung H4, sinh năm: 19XX (có mặt);
Cùng nơi cư trú: xã B, huyện T, tỉnh Đ.
17. Nguyễn Thanh N2, sinh năm: 19XX (vắng mặt);
18. Lộ Trúc L2, sinh năm: 19XX (vắng mặt);
Cùng cư trú: Ấp X, xã P, huyện T, tỉnh Đ.
19. Lê Hoàng N3, sinh năm: 19XX (vắng mặt);
Nơi cư trú: XXX, khóm X, phường X, thành phố C, tỉnh Đ.
20. Trần Xuân H5, sinh năm: 19XX (vắng mặt);
Nơi cư trú: số XX, khóm X, phường X, thành phố C, tỉnh Đ.
21. Võ Văn T10, sinh năm: 19XX (vắng mặt);
22. Lê Trung H6, sinh năm: 19XX (vắng mặt);
23. Nguyễn Hồng N4, sinh năm: 19XX (vắng mặt);
24. Nguyễn Thu V3 (N), sinh năm: 19X (vắng mặt);
Cùng cư trú: Ấp X, xã P, huyện T, tỉnh Đ.
25. Nguyễn Đông H7, sinh năm: 19XX (vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đ.
26. Trần Minh T11, sinh năm: 19XX (vắng mặt);
Nơi cư trú: Số XXX, Hậu Giang, phường XX, Quận X, thành phố H.
27. Đỗ Văn H8, sinh ngày: 23/01/2XXX (vắng mặt);
Nơi cư trú: xã A, huyện T, tỉnh Đ.
28. Võ Văn H9, sinh năm: 19XX (có mặt);
Nơi cư trú: Ấp X, xã B, huyện C, tỉnh Đ.

Giám định viên: Ông Nguyễn Việt T12 - Trung Tâm pháp y tỉnh Đ (có mặt).

Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T:

1. Ông Trần Thanh Đ1, chức vụ: Chuyên viên Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện T, tỉnh Đ (có mặt ngày 26/3/2019; vắng mặt ngày 17/5/2019 và ngày 24/7/2019).
2. Ông Nguyễn Minh T13, chức vụ: Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện T, tỉnh Đ (có mặt ngày 26/3/2019; vắng mặt ngày 17/5/2019 và ngày 24/7/2019).
3. Ông Nguyễn Thanh S3, chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện T, tỉnh Đ (có mặt ngày 26/3/2019; vắng mặt ngày 17/5/2019 và ngày 24/7/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 01/3/2018, Tổ tuần tra kiểm soát giao thông đường bộ Công an tỉnh Đồng Tháp gồm: ông Đoàn Văn M1 (Tổ trưởng) điều khiển xe mô tô biển số 6XAX-XXXXX chở ông Lê Bình Y; ông Nguyễn Thanh S1,

điều khiển xe mô tô biển số 6XAX-XXXXX chở ông Phạm Hoàng B1; ông Võ Văn H9 điều khiển xe ô tô tải, đều mặc sắc phục Công an làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm trên tuyến Quốc lộ 30. Đến địa phận xã M, thành phố C thì phát hiện đối tượng Nguyễn Minh D, sinh năm 19XX, cư trú Ấp A, xã A, huyện T, điều khiển xe mô tô biển số 6XPX-XXXXX đang vận chuyển thuốc lá điều ngoại nhập lậu hướng thị xã H đi thành phố C, thì ông M1 thông báo qua bộ đàm cho ông S1 ra tín hiệu dừng phương tiện, nhưng D không chấp hành mà quay đầu xe lại chạy về hướng thị xã H. Đến khu vực ấp XX, xã P, huyện T; D ném mũ bảo hiểm và bao tải chứa thuốc lá để trên ba ga xe mô tô xuống đường nên mất thăng bằng và tự té ngã xuống lề đường bên phải hướng thành phố C đi thị xã H. Lúc này khoảng 14 giờ 30 phút, Tổ tuần tra kiểm soát giao thông đến tổ chức bảo vệ hiện trường và tổ chức đưa người bị nạn (Nguyễn Minh D) đi cấp cứu thì bị cáo Hà Văn T và đồng bọn đến ngăn cản lực lượng Cảnh sát giao thông, không cho đưa D đi cấp cứu.

Khi ông Nguyễn Thanh S1 ra hiệu dừng xe ô tô khách biển số 6XB - XXXXX do tài xế Trần Thanh S3 điều khiển để đưa D đi cấp cứu thì các bị cáo Hà Văn T, Trương Quan T1, Võ Thái H, Lê Minh N đến có hành vi ngăn cản không cho chở D đi cấp cứu. Hà Văn T la lớn *“không cho ai chở người bị nạn đi cấp cứu, nếu có chết tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm, nếu xe nào chở đi thì tôi đập xe đó”* nên anh Trần Thanh S3 điều khiển xe ô tô chạy đi. Tổ tuần tra tiếp tục ra hiệu dừng xe ô tô bán tải biển số 5XC - XXXXX do ông Trần Xuân H5 điều khiển để đưa D đi cấp cứu nhưng các bị cáo có thái độ hung hãn, la lớn tiếng, ngăn cản không cho đưa D đi cấp cứu. Hà Văn T, Trương Quan T1 dùng tay đập vào hông bên trái xe ô tô bán tải và nói *“Không cho chở”* nên ông Trần Xuân H5 sợ và điều khiển xe đi. Lúc này, ông Nguyễn Thanh S1 nói *“Nếu nạn nhân có vấn đề gì thì các anh chịu trách nhiệm”* thì Hà Văn T trả lời *“OK”* và Hà Văn T tiến đến giằng co, giật lấy nhiều bao thuốc lá hiệu Scotl do ông B1 đang giữ tại hiện trường. Sau đó, ông S1 ra hiệu lệnh dừng xe ô tô taxi S biển số 6XA - XXXXX do ông Nguyễn Tấn T6 điều khiển mới đưa được D đi cấp cứu. Ông M1 phân công ông S1 điều khiển xe mô tô biển số 6XAX- XXXXX chở ông B1 chạy theo hỗ trợ, còn ông M1 và ông Y ở lại tiếp tục bảo vệ hiện trường và giữ nhiều bao thuốc lá điều nhập lậu của D vận chuyển rơi tại hiện trường, thì Hà Văn T đến dùng chân đạp vào hông của ông Y làm ông Y té xuống lề đường và bị cáo xông vào giật lấy thuốc lá; Võ Thái H xông đến dùng tay đánh trúng vùng đầu của ông M1 làm ông M1 té xuống bụi cây chuối bên lề đường. Thấy vậy, Lê Minh N cũng xông vào đánh ông M1. Lúc này, Công an xã P đến hỗ trợ thì ông M1 chạy lên xe ô tô khách 52 chỗ (không rõ biển số) để chạy trốn. Bị cáo Trương Quan T1 đến chặn đầu xe ô tô khách 52 chỗ và Lê Minh N lao lên xe kéo ông M1 xuống. Công an xã P tiếp tục hỗ trợ và đưa được ông M1, ông Y về trụ sở Công an xã; còn Hà Văn T cùng các đối tượng khác điều khiển xe đuổi theo ông S1, ông B1.

- Hà Văn T điều khiển xe mô tô biển số 6XPX-XXXXX, hiệu Future

Neo, màu trắng chở phía sau là Lê Tấn T3 cùng với L, C, K, T2, K1, H, Nguyễn Minh N1, Lê Minh N, Trương Quan T1 và đối tượng Đỗ Văn H8, chạy xe đuổi theo ông S1 và ông B1. Khi đến ấp B, xã Ag, huyện T, ông S1 đang dừng xe bên phải, cách lề đường khoảng 50 cm theo hướng thị xã H đi thành phố C nghe điện thoại. Lúc này, T3 ngồi phía sau nói với Hà Văn T “*Mày túp đầu xe thôi*” nhưng T nói “*Tao đụng vào xe giao thông luôn*”, nói xong T điều khiển xe mô tô đụng trúng phía sau thùng hồ sơ bên trái của xe mô tô đặc chủng biển số 6XAX - XXXXX do ông S1 điều khiển, làm xe bị ngã về bên phải gây nứt, vỡ 02 thùng hồ sơ với kích thước thùng bên trái là 10cm x 04cm và thùng bên phải kích thước 10cm x 05cm.

Tại biên bản định giá tài sản số: 16 ngày 11/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T. Kết luận cặp thùng hồ sơ đặc chủng xe mô tô biển số 6XAX - XXXXX bị nứt, bể không còn đảm bảo chất lượng kỹ thuật như ban đầu, trị giá là 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Sau khi Hà Văn T điều khiển xe mô tô đụng vào xe mô tô đặc chủng do ông S1 điều khiển làm xe ngã, ông S1 đang bước ra khỏi xe thì Hà Văn T đến đứng đối diện dùng tay đánh trúng vào mặt ông S1 02 cái, rồi bị cáo tiếp tục dùng mũ bảo hiểm đánh vào người ông S1 nhiều cái và dùng chân đạp vào người ông S1 làm ông S1 té ngã xuống đất và Hà Văn T nói: “*Thằng D chết rồi tao đánh cho mày chết theo nó*”. Nghe nói vậy, Lê Tấn T3 xông vào dùng mũ bảo hiểm đánh vào lưng ông S1 01 cái; Nguyễn Ngọc L dùng tay đánh vào người ông S1 01 cái và mũ bảo hiểm đánh vào người ông S1 02 cái; đồng thời, L có nhiều lời lẽ thô tục chửi kích động các đồng phạm tham gia như “*Đ...mẹ đánh chết mẹ nó đi, mày hết cửa là giao thông luôn rồi, tao đánh cho mày sang luôn*” và “*Trong lực lượng Công an, cái màu áo vàng này nó bôi bết...người ta giết người cướp của có 3 năm mà thằng L... này trong rừng trong rú ra hồi đó giờ chưa từng thấy đồ lậu nó rượt người ta mang tính ngộ sát, đ...má mày cuộc đời sự nghiệp của mày tới đây coi như xong rồi đó, thằng L...*”. Bị cáo Võ Thái H xông vào dùng tay đánh vào người ông S1 02 cái và dùng chân đạp vào người ông S1 01 cái; Nguyễn Duy T2 dùng tay đánh ông S1 01 cái và dùng chân đạp vào hông ông S1 01 cái; Trần Chí K dùng tay đánh vào người ông S1 02 cái; Nguyễn Minh N1 dùng tay đánh vào người ông S1 nhiều cái; Trương Quan T1 dùng tay đánh vào người ông S1 nhiều cái; Lê Minh N dùng tay, mũ bảo hiểm đánh vào người ông S1 nhiều cái; Huỳnh Văn C dùng tay, mũ bảo hiểm đánh vào người ông S1 02 cái và đối tượng tên C3 dùng tay đánh vào người ông S1 01 cái.

Cùng lúc này, ông Phạm Hoàng B1 cũng bị các bị cáo vây đánh như sau: Hà Văn T dùng tay, mũ bảo hiểm đánh vào người ông B1 nhiều cái; Nguyễn Ngọc L dùng mũ bảo hiểm đánh vào người ông B1 01 cái; Huỳnh Văn C dùng tay đánh vào người ông B1 nhiều cái; Nguyễn Minh N1 dùng tay đánh vào lưng ông B1 3 cái; Lê Minh N dùng mũ bảo hiểm đánh vào người ông B1 nhiều cái; Lê Tấn T3 dùng tay đánh vào người ông B1 01 cái, rồi T3 dùng mũ bảo hiểm đánh vào đầu ông B1 nhưng không trúng. Hậu quả làm

cho ông S1 bị thương nặng được người dân đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện T và chuyển đến Bệnh viện 30 - 4 Thành phố H điều trị từ ngày 02/3/2018 đến ngày 16/3/2018 xuất viện; còn ông B1 và ông M1 điều trị tại Trạm xá Công an tỉnh Đ.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 62/TgT ngày 08/3/2018 kết luận: ông S1 bị đa chấn thương phần mềm vùng thái dương, trán, gò má, cằm, trán trái, vai trái; sẹo vết thương phần mềm đuôi mắt phải lành xấu ảnh hưởng đến thẩm mỹ; tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 13%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 63/TgT ngày 08/3/2018 thể hiện thương tích của ông Phạm Hoàng B1: Sẹo xước gò má trái lành ảnh hưởng đến thẩm mỹ kích thước 06cm x 0.1cm; hai sẹo sâu sát da vùng thái dương trái kích thước 2.5cm x 0.2cm, sẹo cánh tay trái kích thước 2.5cm x 01cm; vết thương phần mềm do vật tày gây nên; tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 12%.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Hà Văn T thừa nhận hành vi “Chống người thi hành công vụ” và “Hủy hoại tài sản”; bị cáo Trương Quan T1, Lê Minh N thừa nhận hành vi “Chống người thi hành công vụ”; bị cáo Nguyễn Ngọc L thừa nhận dùng lời lẽ thô tục chửi lực lượng Cảnh sát giao thông (S1 – B1); nhưng cả 04 bị cáo đều không thừa nhận hành vi đánh ông S1, ông B1 về tội “Cố ý gây thương tích”.

Các bị cáo C, T2, K, T3, H, Nguyễn Minh N1 đều thừa nhận hành vi phạm tội “Cố ý gây thương tích”; đồng thời, bị cáo H thừa nhận hành vi “Chống người thi hành công vụ”.

*** Về vật chứng:**

Quá trình điều tra đã tạm giữ tài liệu, đồ vật, gồm:

- 01 (một) camera cài áo chuyên dùng (loại gắn trên cầu vai áo cho lực lượng Cảnh sát giao thông) nhãn hiệu DVI Technology, màu đen, kích thước dài 9,5^{cm}, rộng 6^{cm}, dày 3^{cm}, phần quai cài có kích thước 9,5^{cm} x 2,5^{cm} của ông Đoàn Văn M1;

- 01 (một) đĩa DVD có chứa các dữ liệu điện tử được niêm phong trong phong bì màu trắng có đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Tỉnh và chữ ký của ông Hứa Văn N3 - Cán bộ Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ;

- 01 (một) đĩa DVD hiệu Maxell, phía trên đĩa có chữ 1191/C54B có lưu trữ các dữ liệu điện tử;

- 01 (một) đĩa DVD hiệu Maxell có chứa đoạn video có tên “Reccived-2095188414050477.mp4 dung lượng 10,1MB, thời lượng 2 phút” của ông Trần Minh T11;

- 01 (một) USB có chứa đoạn video thời lượng 52 giây của ông Phạm Cao C2 (đã niêm phong);

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng, số phiên bản

R7plusf EX-11-160922 gắn số thuê bao di động 01674787470 của bị cáo Trương Quan T1 (đã qua sử dụng);

- 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh (loại mũ sơn) phần kết mũ màu đen; 01 (một) áo thun màu trắng, thân trước có chữ “Waiting màu đỏ”; 01 (một) quần sọt jean màu xanh, hiệu TP Best jeans style của bị cáo C (tất cả đã qua sử dụng);

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, model 105, Type: RM-908 (không gắn sim); 01 (một) áo sơ mi ngắn tay sọc ca rô màu trắng, đen và 01 (một) quần jean sọt màu xanh của bị cáo Nguyễn Minh N1 (tất cả đã qua sử dụng);

- 01 (một) áo thun ngắn tay cổ tròn màu đen kiểu áo (kiểu áo nam), hiệu Wonshilong và 01 (một) quần jean màu xanh, hiệu LEI SURE của bị cáo T2;

- 01 (một) áo sơ mi dài tay, hiệu Designed by me 50, màu đen, sọc ca rô màu trắng và 01 quần jean dài hiệu C&D NEW, màu đen, mặt trước hai ống quần và hai túi sau có nhiều hoa văn của bị cáo T3 (tất cả đã qua sử dụng);

- 01 (một) áo thun kiểu nam, màu đỏ, bên trái thân áo trước có chữ Ari stino Italy và 01 (một) quần sọt kaki, màu đỏ (kiểu nam) của Đỗ Văn H8;

- 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh, nhãn hiệu Nike; 01 (một) chiếc dép nhựa màu xanh; 01 (một) nón kết bằng vải màu đen, nhãn hiệu Versace; 01 (một) miếng gỗ dài 60cm, ngang 10cm; 01 mũ bảo hiểm; 01 (một) đồng hồ đeo tay hiệu DW mặt màu vàng, dây da bị đứt và thu lượm nhiều dấu vết nghi là máu.

Đối với những đồ vật không phải là vật chứng của vụ án, không liên quan đến nội dung vụ án: (01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, model 105, Type: RM-908 không gắn sim của Nguyễn Minh N1; 01 (một) áo thun kiểu nam, màu đỏ, bên trái thân áo trước có chữ Ari stino Italy và 01 (một) quần sọt kaki, màu đỏ (kiểu nam) của Đỗ Văn H8. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trao trả lại cho chủ sở hữu xong.

Đối với xe mô tô biển số 6XP1 - XXXXX, hiệu Future neo, màu trắng và xe mô tô biển số 6XNX - XXXXX, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T thu thập được tài liệu, chứng cứ chứng minh do bị cáo Hà Văn T và bị cáo Nguyễn Ngọc L sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 01/3/2018, nhưng khi khám xét không thu giữ được nên đã ra thông báo truy tìm đối với 02 (hai) xe mô tô nêu trên.

Đối với các loại xe mô tô do các bị cáo C, K, Trương Quan T1 và ông Nguyễn Quốc K1 cùng đối tượng tên C3 sử dụng như nêu trên, do không rõ đặc điểm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không thu giữ được để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với quần, áo và mũ bảo hiểm của các bị cáo Hà Văn T, L, Trương Quan T1, K, Lê Minh N, H; mũ bảo hiểm của bị cáo T3 và Nguyễn Minh N1 sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 01/3/2018, các bị cáo để tại gia đình và sử dụng khi bỏ trốn, không xác định được địa điểm cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không thu giữ được để xử lý theo

quy định của pháp luật.

Đối với 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh, nhãn hiệu Nike; 01 (một) chiếc dép nhựa màu xanh; 01 (một) nón kết bằng vải màu đen, nhãn hiệu Versace; 01 (một) miếng gỗ dài 60cm, ngang 10cm; 01 mô mũ bảo hiểm; 01 (một) đồng hồ đeo tay hiệu DW mặt màu vàng; dây da bị đứt và thu lượm nhiều dấu vết nghi là máu được thu giữ tại hiện trường vụ án; hiện nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T chưa có căn cứ chứng minh, nên đã tách hồ sơ tiếp tục xác minh điều tra xử lý sau.

Đối với các đối tượng Đỗ Văn H8, C3, K2. Quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra đã tách hồ sơ để tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Đối với hành vi Lê Minh N, Võ Thái H đánh ông Đoàn Văn M1 gây thương tích với tỷ lệ 02% tại hiện trường vụ tai nạn giao thông xảy ra ngày 01/3/2018 tại khu vực ấp X, xã P, huyện T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ban hành Công văn số: 135/CSĐT-ĐTTH ngày 17/7/2018 chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 tiếp tục điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Các ông bà Trần Văn B2, Trần Văn V2, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Thu L1, Nguyễn Thị Ngọc T4, Thái Thị V và Nguyễn Thanh S2 không có yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã nộp bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả.

***Về trách nhiệm dân sự:**

- Ông Nguyễn Thanh S1 yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường chi phí điều trị thương tích, ngày công lao động cho người theo chăm sóc nuôi dưỡng ông, chi phí đi lại, tiền ăn uống và tổn thất tinh thần gồm (chi phí các khoảng 14.232.000đ + tổn thất tinh thần tương ứng 20 tháng lương cơ bản 27.800.000đ) tổng cộng 42.032.000đ. Các bị cáo đã tác động gia đình nộp khắc phục hậu quả cho ông S1, tổng cộng là 27.000.000đ; hiện nay ông S1 yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền còn lại 15.032.000đ (Mười lăm triệu không trăm ba mươi hai nghìn đồng).

- Ông Phạm Hoàng B1 yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường tiền chi phí điều trị thương tích, ngày công lao động cho người chăm sóc nuôi dưỡng ông, chi phí đi lại, tiền ăn uống và tổn thất tinh thần gồm (chi phí các khoảng 3.320.000đ + tổn thất tinh thần tương ứng 12 tháng lương cơ bản 16.680.000đ) tổng cộng 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

- Ông Lê Bình Y và ông Đoàn Văn M1 không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nhưng yêu cầu xử lý hình sự theo quy định.

- Ông Nguyễn Phú C yêu cầu bị cáo Hà Văn T bồi thường thiệt hại 02 thùng hồ sơ xe mô tô đặc chủng biển số 6XAX - XXXXX là 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

Tại bản án số 41/2018/HS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Hà Văn T phạm các tội “Chống người thi hành công vụ”, “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và “Cố ý gây thương tích”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hà Văn T 01 năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ”.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 178; điểm b khoản 1 Điều 51; Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hà Văn T 02 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134; khoản 1 Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hà Văn T 06 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Hà Văn T là 09 (chín) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/3/2018.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc L phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2018.

3. Tuyên bố bị cáo Trương Quan T1 phạm các tội “Chống người thi hành công vụ”, “Cố ý gây thương tích”;

Áp dụng khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Trương Quan T1 09 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”.

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Trương Quan T1 05 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Trương Quan T1 là 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/3/2018.

4. Tuyên bố bị cáo Lê Minh N phạm các tội “Chống người thi hành công vụ”, “Cố ý gây thương tích”;

Áp dụng khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lê Minh N 09 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”.

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b khoản 1, 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; khoản 1 Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lê Minh N 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Lê Minh N là 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/7/2018.

5. Tuyên bố bị cáo Võ Thái H phạm các tội “Chống người thi hành công vụ”, “Cố ý gây thương tích”;

Áp dụng khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Võ Thái H 09 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”;

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s, t khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Võ Thái H 02 năm 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Võ Thái H là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2018.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên phạt các bị cáo Huỳnh Văn C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Nguyễn Minh N1 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù; bị cáo Lê Tấn T3 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù; bị cáo Nguyễn Duy T2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù và bị cáo Trần Chí K 02 (hai) năm tù cùng về tội “Cố ý gây thương tích”; về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, bị cáo Hà Văn T có đơn kháng cáo kêu oan đối với tội “Cố ý gây thương tích” và “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội “Chống người thi hành công vụ”.

Ngày 21 tháng 12 năm 2018, bị cáo Hà Văn T có đơn kháng cáo bổ sung với nội dung yêu cầu giám định lại tỷ lệ thương tật của hai bị hại S1 và B1; yêu cầu định giá lại hai thùng hồ sơ xe mô tô đặc chủng; yêu cầu triệu tập những người làm chứng để đối chất với bị cáo tại phiên tòa; yêu cầu xem xét trường hợp người làm chứng Đỗ Văn H8, Nguyễn Trung H4 và lời khai của các bị hại có sự khác biệt ở giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, bị cáo Nguyễn Ngọc L có đơn kháng cáo với nội dung kêu oan.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, bị cáo Trương Quan T1 có đơn kháng cáo kêu oan đối với tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội “Chống người thi hành công vụ”.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, bị cáo Lê Minh N có đơn kháng cáo kêu oan đối với tội “Cố ý gây thương tích”.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, bị cáo Võ Thái H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã nêu ra những chứng cứ và luận cứ cũng như lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng cùng với các chứng cứ khác thu thập được để chứng minh hành vi của các bị cáo là có tội;

đã phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự tuyên không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Hà Văn T, Trương Quan T1 về tội “Chống người thi hành công vụ”; Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của Võ Thái H; Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Hà Văn T về các tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và tội “Cố ý gây thương tích”; Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo Nguyễn Ngọc L, Trương Quan T1 và Lê Minh N về tội “Cố ý gây thương tích”. Giữ nguyên phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự sửa một phần bản án sơ thẩm, tuyên áp dụng điểm c khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự để quyết định mức hình phạt cho bị cáo Hà Văn T và giảm mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo từ 01 đến 03 tháng về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa đại diện bị hại không yêu cầu bị cáo Hà Văn T bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm về phần này và tuyên trả lại số tiền 2.700.000 đồng mà chị Thái Thị V đã nộp. Đối với Đỗ Văn H8, đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm tiếp tục điều tra xác minh làm rõ nếu có căn cứ thì xử lý đối tượng Đỗ Văn H8 theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Minh N phát biểu quan điểm cho rằng quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, cụ thể: Không thu hồi các vật chứng liên quan đến vụ án bao gồm nón bảo hiểm, cây gậy là công cụ để xác định ai là người gây ra thương tích cho nạn nhân. Việc giám định pháp y không đầy đủ, chỉ xác định thương tích do vật tày gây ra nhưng không xác định thuộc loại vật tày nào. Tại phiên tòa phúc thẩm, giám định viên mới xác định là vật tày có cạnh Điều này hoàn toàn khác với kết luận điều tra, cáo trạng và bản án sơ thẩm kết luận bị hại bị đánh bằng nón bảo hiểm và bằng tay. Án sơ thẩm xác định 10 bị cáo gây thương tích cho 02 người bị hại. Tuy nhiên, quá trình điều tra và kết quả thẩm vấn của Hội đồng xét xử phúc thẩm cho thấy không phải tất cả 10 bị cáo đánh cả hai người bị hại mà có bị cáo đánh 01 người, có bị cáo đánh hai người, có bị cáo không đánh, có bị cáo không có mặt ở hiện trường vẫn bị quy buộc là việc điều tra chưa đầy đủ, chưa phân tích được trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để xác định đúng tội danh và khung hình phạt áp dụng để tuyên phạt phù hợp với từng bị cáo khi vụ án không có tổ chức.

Về nội dung, án sơ thẩm buộc bị cáo N dùng tay, nón bảo hiểm đánh 02 nạn nhân nhưng không chỉ ra được bị cáo đánh bao nhiêu cái bằng tay, bao nhiêu cái bằng nón bảo hiểm tương ứng với các vết thương nào trên cơ thể nạn nhân. Các lời khai của hai bị hại đều không xác định được là Lê Minh N có mặt tại hiện trường và đánh các bị hại. Trong 10 bị cáo không ai thấy mặt bị cáo N tại hiện trường. Bị cáo N đã tự chứng minh được mình ngoại phạm qua lời khai của những người làm chứng là cán bộ xã P. L, H10 đã xác định tại phiên tòa phúc thẩm đối với thời gian xảy ra vụ án bị cáo N không thể có mặt tại hiện trường để gây thương tích cho hai bị hại vì cùng thời gian bị cáo

đang ở xã P.

Với những căn cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm về tội “Cố ý gây thương tích” để điều tra lại. Trường hợp Hội đồng xét xử không chấp nhận, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội này, trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Hà Văn T và Nguyễn Ngọc L phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Cơ quan điều tra và Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập người làm chứng để đối chất lời khai của họ với các bị cáo dù chúng tôi đã yêu cầu nhiều lần. Người làm chứng nhận dạng Hà Văn T có đội nón khi đến hiện trường ấp 3 xã A trong khi bị cáo không có đội nón. Ở tội danh “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, 02 thùng hồ sơ xe đặc chủng là vật chứng đã có sự tác động, có vết hàn trong khi phía bị hại xác định trước khi xảy ra vụ án 02 thùng này còn nguyên vẹn. Cơ quan điều tra không tiến hành lập biên bản hiện trường để xác định xe mô tô đậu cách lề bao xa, bị ngã bên nào, có xe buýt không ...

Bị cáo Nguyễn Ngọc L yêu cầu cho trình chiếu đoạn camera 52s để xem các bị cáo có đánh hai người bị hại hay không. Tuy yêu cầu này được chấp nhận nhưng việc trình chiếu chưa thể hiện hết nội dung của đoạn camera.

Về nội dung, Bị cáo Hà Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tội “Chống người thi hành công vụ”, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình có công với Cách mạng, ông nội của bị cáo là liệt sĩ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bị cáo.

Về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, cấp sơ thẩm truy tố và xét xử bị cáo Trường nhưng chưa chứng minh được hành vi cố ý của bị cáo; lời khai của Lê Tấn T3 bất nhất; còn về hậu quả, Hội đồng định giá kết luận giá trị bị thiệt hại 2.700.000 đồng là không đúng vì theo Thông tư số 55 quy định trường hợp này phải xác định giá trị tài sản thực tế và trừ khấu hao 15%.

Về tội “Cố ý gây thương tích”, đây là vụ án không đồng phạm vì không có sự phân công, bàn bạc và chịu sự điều khiển của người nào. Cho nên cơ quan tiến hành tố tụng phải cá thể hóa từng hành vi của từng bị cáo thì mới chính xác. Đề nghị không xem lời khai của những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa vì chưa được đối chất. Người bị hại không xác định được bị ai đánh và đánh bằng vật gì trong khi tỷ lệ thương tật của bị hại B1 do vật tày có cạnh gây ra. Như vậy, vết thương nào của bị hại là do các bị cáo Hà Văn T và L gây ra trong khi án sơ thẩm cho rằng T và L đánh bị hại bằng tay và nón bảo hiểm.

Án sơ thẩm quy buộc bị cáo Nguyễn Ngọc L đánh bị hại S1 bằng tay, đánh bị hại B1 bằng nón bảo hiểm và có hành vi chửi hai người này. Chúng tôi thấy rằng L không đánh ai mà chỉ có chửi và việc bị cáo chửi không mang tính kích động hay xúi giục ai đánh các bị hại. Các lời khai của những người làm chứng như Đỗ Văn H8, Đ, T8 về L đều bất nhất, không khách quan, trung

thực.

Với những luận cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hà Văn T về tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định. Về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, xét về hành vi thì bị cáo T không có cố ý, về chứng cứ buộc tội thì chưa đủ căn cứ khách quan nên không cấu thành tội; nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Hà Văn T không phạm tội. Về tội “Cố ý gây thương tích”, cả hai bị cáo Hà Văn T và Nguyễn Ngọc L đều không có hành vi đánh người, nên không cấu thành tội; về chứng cứ buộc tội chưa thể hiện đầy đủ, lời khai còn nhiều mâu thuẫn, không đủ căn cứ để buộc tội hai bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Hà Văn T và Nguyễn Ngọc L không phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Trong phần tranh luận, bị cáo Hà Văn T thống nhất quan điểm với lời bào chữa của vị luật sư. Bị cáo có ý kiến bổ sung là cấp sơ thẩm đã chuyển tư cách tham gia tố tụng của Đỗ Văn H8 từ đồng phạm sang người làm chứng là không đúng. Cơ quan điều tra đã dụ cung bị cáo L, sửa lời khai của bị cáo gây bất lợi cho bị cáo. Trần Chí K nói sẽ hãm hại bị cáo nên lời khai của K không khách quan. Bị cáo đã 02 lần ngăn cản đồng phạm không cho đánh bị hại; bị cáo không có trốn khỏi địa phương và đã thừa nhận hành vi chống người thi hành công vụ nhưng cấp sơ thẩm cho rằng bị cáo chối tội. Xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Ngọc L thống nhất quan điểm với lời bào chữa của vị luật sư. Bị cáo có ý kiến bổ sung là Viện kiểm sát đã gán ghép bị cáo một cách vô cớ. Bị cáo có chửi nhưng không kích động xúi giục ai thay vì chỉ là vi phạm hành chính, Viện kiểm sát đã hình sự hóa là oan cho bị cáo. Viện kiểm sát nói vụ án này dư luận quan tâm nên xử nặng các bị cáo, đó là nhận định chủ quan. Viện kiểm sát buộc bị cáo thừa nhận có nộp 2.000.000 đồng và đưa ra hai nhận định trong cùng một vụ án là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm không cho bị cáo tham gia tranh luận là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Người làm chứng Nguyễn Quang T7 không có sửa anten mà nếu có thì với khoảng cách 115m, ông T7 không nhìn thấy rõ được sự việc. Người làm chứng Phạm Ngọc T8 bị tâm thần nên lời khai không có giá trị về mặt pháp lý và bị cáo rất muốn đối chất với những người này. Hôm xảy ra sự việc có mặt H8 và C2, C2 có cầm cây, bị cáo cho rằng H8 và C2 đã gây thương tích cho hai bị hại. Tòa sơ thẩm cho rằng bị cáo đánh hai bị hại trong khi hai bị hại khai không nhất quán, lúc thấy lúc không, ở sơ thẩm khai bị cáo không có đánh, lên phúc thẩm thì khai bị cáo có đánh trong khi anh S1 nói còn sai tên bị cáo. Tòa sơ thẩm cho rằng bị cáo lẩn trốn, bị cáo không phạm tội thì việc gì phải trốn, như vậy là vu khống bị cáo. Bị hại B1 khai bị choáng nhưng lại điều khiển xe từ xã P về thành phố C là chưa phù hợp. Bị cáo hoạt động độc lập, bị cáo không phải là đại ca nên không thể ra lệnh hay sai khiến, xúi giục, kích động được ai, việc tuyên buộc bị cáo đồng phạm là không đúng, oan cho bị cáo. Xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Bị cáo Lê Minh N thống nhất quan điểm với lời bào chữa của vị luật

sự, bị cáo không có ý kiến tranh luận hay bào chữa bổ sung.

Bị cáo Trương Quan T1 không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Võ Thái H không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại, người đại diện theo ủy quyền của bị hại không có ý kiến tranh luận.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Trong hạn luật định các bị cáo Hà Văn T, Nguyễn Ngọc L, Trương Quan T1, Lê Minh N và Võ Thái H có đơn kháng cáo nên được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Hà Văn T, Trương Quan T1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi chống người thi hành công vụ. Cả hai bị cáo đều khẳng định án sơ thẩm xét xử các bị cáo về hành vi này là đúng, không oan sai gì cho các bị cáo, các bị cáo chỉ xin cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đồng thời bị cáo Hà Văn T kháng cáo cho rằng bị cáo không phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và “Cố ý gây thương tích”.

Các bị cáo Nguyễn Ngọc L, Trương Quan T1 và Lê Minh N đều kháng cáo cho rằng các bị cáo không phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Riêng bị cáo Võ Thái H đã thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào lời khai của các bị cáo Hà Văn T, Nguyễn Ngọc L, Trương Quan T1, Lê Minh N và Võ Thái H và các bị cáo khác không có kháng cáo trong vụ án ở giai đoạn điều tra, truy tố; lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng đã chứng minh được hành vi của các bị cáo như sau: Bị cáo Hà Văn T đã có hành vi điều khiển xe mô tô chở Lê Tấn T3 chạy đuổi theo xe mô tô đặc chủng của lực lượng cảnh sát giao thông do chiến sĩ Nguyễn Thanh S1 điều khiển chạy theo hỗ trợ xe chở nạn nhân đi cấp cứu. Khi phát hiện thấy S1 dừng xe trong lề để nghe điện thoại thì bị cáo cố tình điều khiển xe mô tô đụng vào xe mô tô đặc chủng. Điều này phù hợp với lời khai của Lê Tấn T3 là người đi chung xe mô tô do Hà Văn T điều khiển chạy từ nơi D té đến chỗ đụng vào xe của Cảnh sát giao thông. T3 nói “Mày túp đầu xe thôi”, T nói “Tao đụng vào xe giao thông luôn”, sau đó T điều khiển xe đụng vào xe Cảnh sát giao thông. Hậu quả đã làm hư hỏng thùng đựng hồ sơ mà theo kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T tại kết luận số 16 ngày 11/4/2018: cặp thùng hồ sơ đặc chủng trên xe mô tô bị nứt, bể không còn đảm bảo chất lượng kỹ thuật như ban đầu, trị giá

2.700.000đ. Kết luận này đã được thông báo cho bị cáo Hà Văn T ngày 25/5/2018 bằng biên bản giao nhận thông báo kết luận định giá, bị cáo đã nhận và không có ý kiến đồng thời ký tên vào biên bản giao nhận. Hành vi của bị cáo đã làm hư hỏng cặp thùng đựng hồ sơ của xe đặc chủng, đây là một bộ phận của chiếc xe, là vật đồng bộ đi kèm theo xe. Như vậy, thiệt hại về tài sản từ hành vi của bị cáo gây ra là có thật. Hơn nữa, bị cáo biết rõ các anh S1, B1 là lực lượng Cảnh sát giao thông đang thực hiện nhiệm vụ nhưng đã cố ý điều khiển xe mô tô đụng thẳng vào xe mô tô đặc chủng rồi có hành động tấn công gây thương tích, hành vi này đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự.

Sau khi đụng vào xe mô tô đặc chủng gây hư hỏng thùng đựng hồ sơ, bị cáo Hà Văn T liền thực hiện hành vi tấn công hai người đi trên xe đặc chủng là Nguyễn Thanh S1, Phạm Hoàng B1 đang mặc quân phục Công an làm nhiệm vụ. Căn cứ vào Biên bản khám nghiệm hiện trường lập lúc 16 giờ 30 ngày 01/3/2018 tại ấp X, xã A, huyện T. Lời khai của Lê Tấn T3: Trường dùng tay đâm vào mặt S1 hai ba cái. Lúc T đánh S1, T có nói “Thằng D mèo chết rồi tao đánh cho mày chết theo nó”. Trần Chí K khai: Xác nhận có chạy theo đến đoạn lộ lờ thuộc ấp X, xã A, huyện T, thấy xe đặc chủng của Cảnh sát giao thông ngã cặp lề, S1 đứng trước đầu xe thì T cùng với những người khác đánh S1. Khi đang đánh thì bản tên của S1 rơi xuống đất nên K lượm lên và đọc cho mọi người cùng nghe tên của S1. Một lúc sau nghe L nói “Thôi được rồi”; Lời khai của Huỳnh Văn C: C khẳng định vào ngày 01/3/2018, tại ấp X, xã A, huyện T có gặp NHL (Hà Văn T). Tại đây, C thấy T dùng tay đánh S1 cảnh sát giao thông gây thương tích nhưng không xác định được đánh trúng đâu. Lời khai của Nguyễn Trung H4 xác định Nu (Hà Văn T) và nhóm lính Nu đánh S1 khoảng 05 phút thì nhóm lính Nu tách ra làm hai, một nhóm 03 – 04 người rượt đánh anh Cảnh sát cơ động, còn lại H, TL thì đánh anh S1. Nguyễn Hữu Đ xác định: L đứng trên lộ chửi, kích động nhóm thanh niên đánh chết mẹ nó. Sau đó, nhóm thanh niên tách ra làm hai, một nhóm đánh anh S1, một nhóm rượt đánh anh Cảnh sát cơ động thì lúc này L vẫn đứng chửi và kích động nhóm thanh niên đánh S1. Từ lời khai của T3. K, C cùng lời khai các bị hại, những người làm chứng cùng các tài liệu khác thu thập được thể hiện: Bị cáo Hà Văn T vừa tấn công bằng tay, vừa có lời nói gây kích động cho những người đồng phạm cùng tấn công hai chiến sĩ công an S1 và B1. Hậu quả S1 bị tổn thương cơ thể theo kết luận giám định pháp y là 13%; B1 bị tổn thương cơ thể theo kết luận giám định pháp y là 12%. Tuy nhiên, tại biên bản xem xét thân thể cũng như Quyết định trưng cầu giám định của cơ quan điều tra đối với bị hại B1 không thể hiện vết thương ở thái dương nhưng bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 63/TgT ngày 08/3/2018 thể hiện thương tích của ông B1 có “sẹo sây sát da vùng thái dương trái kích thước 2.5cm x 0.2cm”. Trong quá trình thu thập thêm chứng cứ ở giai đoạn xét xử phúc thẩm, Tòa án đã đề nghị Trung tâm pháp y tỉnh Đ giải

thích kết luận giám định pháp y về thương tích số 63/TgT ngày 08/3/2018 đối với bị hại Phạm Hoàng B1. Tại Công văn phúc đáp số 104/TTPY ngày 07/5/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ xác định: Sẹo xước da gò má trái lành ảnh hưởng đến thẩm mỹ (tỷ lệ thương tật: 11%); Hai sẹo sâu sát da vùng thái dương trái, cánh tay trái sẹo lành (tỷ lệ thương tật: 01%). Nếu bỏ vết thương sẹo sâu sát da vùng thái dương trái thì tỷ lệ nhóm sẹo phần mềm số lượng ít kích thước nhỏ tỷ lệ thương tật không thay đổi. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của đương sự (Phạm Hoàng B1) tại thời điểm giám định là: 12%.

Hành vi trực tiếp tấn công và kích động người khác cùng tấn công làm tổn thương cơ thể hai người mà mỗi người tỉ lệ tổn thương cơ thể trên 11%, trong khi hai người bị hại đang thi hành công vụ, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 BLHS. (Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của hai người trở lên mà tỉ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này).

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc L, bị cáo kháng cáo cho rằng Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xét xử oan bị cáo vì bị cáo không có mặt ở hiện trường nơi Hà Văn T tấn công hai chiến sỹ công an, bị cáo không gây thương tích cho ai. Tuy nhiên, qua kết quả điều tra, trên cơ sở các lời khai, nhận dạng của Trần Chí K, Nguyễn Quan T7 xác định L nói “Thôi rút”, “đánh cho mày sang luôn”; lời khai, nhận dạng của Nguyễn Văn C1, Phạm Cao C2, Võ Văn T9, Nguyễn Hữu Đ, Phạm Ngọc T8 cùng các tài liệu chứng cứ được thu thập đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự đã xác định bị cáo Nguyễn Ngọc L có mặt tại hiện trường vụ Cố ý gây thương tích tại ấp X, xã A, huyện T và có hành vi dùng nhiều lời lẽ lớn tiếng mang tính công kích hai chiến sỹ công an, từ đó gây kích động các đồng phạm khác tham gia tấn công hai chiến sỹ công an làm cho các bị hại S1, B1 đều bị tổn thương cơ thể. Bị cáo giữ vai trò giúp sức tích cực trong việc tấn công hai chiến sỹ công an S1 và B1 khi hai người này bị Hà Văn T tấn công gây thương tích. Hành vi của bị cáo là đồng phạm giúp sức với bị cáo T, xúi giục và kích động các đồng phạm khác nên phải chịu trách nhiệm chung cùng các đồng phạm.

Bị cáo Trương Quan T1 giữ vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo Hà Văn T tấn công và làm cho hai bị hại bị thương tích. Trong đó, bị cáo trực tiếp thực hiện hành vi tấn công bị hại Nguyễn Thanh S1 bằng tay nhiều cái. Bị cáo kháng cáo kêu oan cho rằng không thực hiện hành vi phạm tội Cố ý gây thương tích nhưng kết quả điều tra và thẩm vấn tại phiên tòa sơ thẩm cũng như các lời khai, đối chất của các bị hại Nguyễn Thanh S1 và Phạm Hoàng B1; Trần Chí K, Nguyễn Minh N1, Đỗ Văn H8, Võ Văn T9, Nguyễn Quang T7, các tài liệu chứng cứ này được thu thập đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trên cơ sở phân tích đã xác định bị cáo Trương Quan T1 có mặt tại ấp X, xã A, huyện T vào ngày 01/3/2018 và thực hiện hành vi tấn công hai người bị hại cùng với Hà Văn T, Nguyễn Ngọc L và các bị cáo khác cho nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò là người giúp sức về tội Cố ý

gây thương tích theo điểm d khoản 3 Điều 134 BLHS.

Đối với bị cáo Lê Minh N, bị cáo cho rằng bị cáo không có mặt tại ấp X, xã A, huyện T vào ngày 01/3/2018 trong thời điểm bị cáo Hà Văn T và các đồng phạm thực hiện hành vi cố ý gây thương tích đối với bị hại S1, B1. Tuy nhiên, các bị hại S1, B1 xác nhận bị cáo N có mặt tại hiện trường ấp X, xã A. Đồng thời, lời khai và đối chất của Trần Chí K, Lê Tấn T3 đều xác nhận bị cáo N có mặt tại ấp X, xã A, huyện T và có thực hiện hành vi tấn công bị hại gây thương tích. Các chứng cứ này được thu thập đúng quy định của pháp luật, do đó có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Minh N có hành vi đồng phạm với vai trò giúp sức thực hiện hành vi phạm tội “Cố ý gây thương tích” cho nên phải chịu trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Võ Thái H, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Khi ông Nguyễn Thanh S1 ra hiệu dừng xe ô tô khách biển số 6XB - XXXXX để đưa D đi cấp cứu thì bị cáo cùng các bị cáo Hà Văn T, Trương Quan T1, Lê Minh N đến có hành vi ngăn cản không cho chở D đi cấp cứu. Sau khi D được đưa đi cấp cứu, ông M1 và ông Y ở lại tiếp tục bảo vệ hiện trường và giữ nhiều bao thuốc lá điều nhập lậu của D vận chuyển rơi tại hiện trường, thì bị cáo đã xông đến dùng tay đánh trúng vùng đầu của ông M1 làm ông M1 té xuống bụi cây chuối bên lề đường. Và tại hiện trường ấp X, xã A, huyện T, bị cáo cũng xông vào dùng tay đánh vào người bị hại S1 02 cái và dùng chân đạp vào người S1 01 cái. Hành vi của bị cáo thể hiện vai trò giúp sức tích cực trong vụ án.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Hà Văn T về các tội “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 330 Bộ luật hình sự; tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai gì cho bị cáo. Mức hình phạt 01 năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ” và 06 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đã cân nhắc, xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo. Đồng thời, cấp sơ thẩm cũng đã tuyên bị cáo Hà Văn T phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” là không oan cho bị cáo. Bởi lẽ, bị cáo có làm hư hỏng cặp thùng đựng hồ sơ của xe mô tô đặc chủng và thiệt hại về tài sản từ hành vi của bị cáo gây ra là có thật. Bị cáo kháng cáo kêu oan hai tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và “Cố ý gây thương tích”, nhưng với những chứng cứ và luận cứ nêu trên cùng lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng cùng với các chứng cứ khác thu thập được đã chứng minh hành vi của bị cáo là có tội. Tuy nhiên, việc cấp sơ thẩm áp dụng điểm e khoản 2 Điều 178 Bộ luật hình sự để quyết định mức hình phạt cho bị cáo là chưa đúng với tính chất, mức độ từ hành vi phạm tội của bị cáo vì tính nguy hiểm từ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra bị hạn chế. Xét theo hướng có lợi cho bị cáo, cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa một phần bản án sơ thẩm, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 178

Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt cho bị cáo. Mặt khác, sau khi gây án, bị cáo Hà Văn T đã tác động gia đình mà cụ thể là chị Thái Thị V đã nộp thay cho bị cáo số tiền 2.700.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T vào ngày 10/10/2018 để bồi thường khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của phía bị hại nên ghi nhận, không buộc bị cáo Hà Văn T phải bồi thường và trả lại số tiền nêu trên lại cho chị Thái Thị V.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt ở tội “Chống người thi hành công vụ” của bị cáo Hà Văn T, bị cáo kháng cáo có nêu tình tiết bị cáo đã 02 lần can ngăn không cho đồng phạm dùng cây đánh bị hại; đồng thời trong giai đoạn xét xử phúc thẩm vụ án, gia đình bị cáo có nộp bằng Tổ quốc ghi công liệt sĩ Hà Phi H11 là ông nội của bị cáo. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày thì bị cáo không đưa ra được chứng cứ nào khác để chứng minh việc bị cáo có can ngăn đồng phạm. Vị luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng xét thấy trong khoảng thời gian ngắn, bị cáo thực hiện liên tục nhiều hành vi phạm tội mà trong đó có tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng nên cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo là có căn cứ. Xét bị cáo là lao động chính trong gia đình có con còn nhỏ, gia đình bị cáo có công với Cách mạng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo. Do đó, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Hà Văn T về tội “Chống người thi hành công vụ”.

Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xử phạt các bị cáo Nguyễn Ngọc L 05 năm 06 tháng tù, Trương Quan T1 05 năm tù, Lê Minh N 04 năm tù cùng về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không oan sai gì cho các bị cáo. Các bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng với những chứng cứ và luận cứ nêu trên cùng lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng cùng với các chứng cứ khác thu thập được đã chứng minh hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” nên không chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên.

Về tội “Chống người thi hành công vụ”, bị cáo Trương Quan T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào khác tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã xem xét, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt ở tội danh này.

Án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Võ Thái H 09 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”; 02 năm 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; tổng hợp hình phạt chung cho hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp

luật. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt có cung cấp tình tiết gia đình bị cáo có công với Cách mạng. Tuy nhiên, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ từ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và đã có xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo Hà Văn T, Nguyễn Ngọc L, Trương Quan T1, Lê Minh N và Võ Thái H là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét lời bào chữa của vị luật sư bào chữa cho bị cáo Hà Văn T về các tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, “Cố ý gây thương tích”; Nguyễn Ngọc L về tội “Cố ý gây thương tích” cũng như lời bào chữa của vị luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Minh N về tội “Cố ý gây thương tích” là chưa phù hợp như Hội đồng xét xử đã nhận định, phân tích ở phần trên nên không có căn cứ để chấp nhận. Đối với phần bào chữa cho bị cáo Hà Văn T về tội “Chống người thi hành công vụ” là có căn cứ một phần nên chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Ngọc L, Trương Quan T1, Lê Minh N và Võ Thái H không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Kháng cáo của bị cáo Hà Văn T được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Riêng bị cáo Võ Thái H gia đình có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, được cấp sổ hộ nghèo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Đối với Đỗ Văn H8, hồ sơ vụ án thể hiện trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, H8 thừa nhận có hành vi đánh các bị hại S1, B1 nhưng chưa được làm rõ. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm tiếp tục điều tra xác minh làm rõ nếu có căn cứ thì xử lý đối tượng Đỗ Văn H8 theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm b khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hà Văn T đối với tội “Chống người thi hành công vụ”; Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trương Quan T1 đối với tội “Chống người thi hành công vụ”; Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Võ Thái H; Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo Hà Văn T, Nguyễn Ngọc L, Trương Quan T1, Lê Minh N về tội “Cố ý gây thương

tích”. Giữ nguyên phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm.

Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Hà Văn T về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Sửa một phần bản án sơ thẩm về phần hình phạt và trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Hà Văn T về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn T phạm các tội “Chống người thi hành công vụ”, “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, “Cố ý gây thương tích”; bị cáo Nguyễn Ngọc L phạm tội “Cố ý gây thương tích”; các bị cáo Trương Quan T1, Lê Minh N và Võ Thái H cùng phạm các tội “Chống người thi hành công vụ”, “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Hà Văn T 10 (mười) tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Hà Văn T 02 năm tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134; khoản 1 Điều 17 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Hà Văn T 06 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự; Tổng hợp hình phạt chung cho cả ba tội, buộc bị cáo phải chấp hành là 08 (tám) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/3/2018.

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 17 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trương Quan T1 09 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”.

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 17 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trương Quan T1 05 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự; Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành là 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/3/2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Minh N 09 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”.

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; khoản 1 Điều 17 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Minh N 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự; Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành là 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/7/2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Võ Thái H 09 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”;

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều

51; khoản 1 Điều 54; Điều 17 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Võ Thái H 02 năm 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự; Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/8/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị hại là Công an tỉnh Đồng Tháp không yêu cầu bị cáo Hà Văn T bồi thường. Trả lại số tiền 2.700.000 đồng mà chị Thái Thị V đã nộp thay cho bị cáo Hà Văn T tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T vào ngày 10/10/2018.

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Ngọc L, Trương Quan T1 và Lê Minh N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Hà Văn T và Võ Thái H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC – Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh;
- TA-VKS-THADS huyện T;
- CQCSĐT Công an huyện T;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSPA (M).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Khắc Thịnh